

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 17- 10 - 2019

V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Phần;

Ông Vũ Xuân Thùy.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:138/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11/7/2019, về việc “ Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Thông báo xét xử vụ án số:72/2019/TBXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “anh M có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Xóm 6, xã Xuân T, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- *Người làm chứng:*

Bà Phạm Thị Tuy; địa chỉ cư trú: Xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị L kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 24 tháng 6 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, năm 2003 vợ

chồng cùng đi sang UKRANE để làm ăn, thời gian này vợ chồng làm ăn thua lỗ. Đến năm 2015 vợ chồng về nước, sau đó vợ chồng cùng nhau lên Hà Nội làm ăn. Trong thời gian vợ chồng làm ăn ở Hà Nội phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, mặt khác chị L có quan hệ với người đàn ông khác, anh đã nhắc nhở và khuyên giải nhưng chị L không nghe, đỉnh điểm là từ tháng 3 năm 2017 đến nay vợ chồng ly thân, mỗi người một nơi, anh bảo chị L nếu vợ chồng không ở được với nhau thì ly hôn, chị L nói là nhất trí nhưng không về Tòa án để giải quyết. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc đã tan vỡ nên nguyện vọng của anh là được xin ly hôn chị Phạm Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 30 tháng 04 năm 2005 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2014; hiện hai con đang ở với anh, con Minh T mắc bệnh tự kỷ. Khi ly hôn anh xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phạm Thị L đã được Tòa án nhân dân huyện X tổng đạt hợp lệ làm thủ tục niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp và hòa giải đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý nhưng có ý kiến thông qua bà Phạm Thị T là mẹ chồng về yêu cầu khởi kiện của anh M.

Kết quả làm việc với bà Phạm Thị T là mẹ chồng của chị L, bà T trình bày: Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị L biết, cũng như Tòa án làm thủ tục niêm yết công khai nhưng chị L không đến Tòa án để làm việc.

Anh Minh và chị L đến với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã X. Sau khi anh M và chị L lấy nhau được một thời gian, năm 2003 cả hai vợ chồng đi sang UKRANE làm ăn, vợ chồng làm ăn thua lỗ gì đó, đến năm 2015 thì cả hai vợ chồng về nước và làm ăn sinh sống ở quê. Sau đó cả hai vợ chồng đi lên Hà Nội để làm ăn để con ở lại cho vợ chồng bà nuôi, quá trình chung sống giữa anh M và chị L xảy ra mâu thuẫn là do tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm, ngoài ra còn nghe dư luận là chị L có quan hệ với người khác. Khi biết anh M và chị L mâu thuẫn, gia đình đã động viên khuyên giải để nhằm hàng gấn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả. Thực tế gia đình bà không muốn anh M và chị L ly hôn, bà mong anh M và chị L về đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Nếu anh M quyết tâm xin ly hôn chị L vấn đề này do anh M quyết định, bà không giám can thiệp. Về con chung: Vợ chồng anh M và L có hai con chung tên là Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 30/4/2005 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/11/2014; hiện hai con đang ở với gia đình bà và anh M. Về tài sản: Anh M và chị L không có tài sản, không nợ nần liên quan kinh tế với gia đình bà.

Khi Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho chị L, gia đình bà đã nhận và thông báo cho chị L biết, chị L nói là nhất trí ly hôn với anh M, nhưng chị không

về Tòa án để giải quyết, cũng như nhất trí để anh M nuôi 02 con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã X: Anh Nguyễn Văn M và Phạm Thị L có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Xuân T vào ngày 26/6/2003. Sau khi kết hôn anh Minh và chị L cùng đi sang Nga để làm ăn. Năm 2014, anh M về nước chăm sóc con, năm 2015, chị L về nước nhưng không về chung sống với anh M. Có thông tin là hiện nay chị L đang làm ăn ở Hà Nội và có con với người khác. Mâu thuẫn giữa anh M và chị L địa phương không làm được cụ thể. Căn cứ vào thực trạng hôn nhân của anh M và chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh M và chị L ly hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh M và chị L có hai con chung là đúng, khi ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của đương sự để giao con cho đảm bảo quyền lợi. Về tài sản: Anh M và chị L không có tài sản gì, anh Minh không yêu cầu Tòa án xem xét là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp; bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Về nội dung: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M và chị Phạm Thị L. Về con chung: Anh M và chị L có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 30/4/2005 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/11/2014; hiện hai con đang ở với anh M. Căn cứ vào: Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn M đã chấp hành theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị Phạm Thị L không chấp hành theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Phạm Thị L có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 26/6/2003 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính tình lối sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất quan điểm, nghi ngờ nhau về lòng

chung thủy. Chị L đã được Tòa án làm các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng chị L không về Tòa án để làm việc mà chỉ thông qua bà Phạm Thị T là mẹ chồng có ý kiến là nhất trí ly hôn với anh M. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M là xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M và chị Phạm Thị L là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Anh Nguyễn Văn M và chị Phạm Thị L có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 30/4/2005 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/11/2014; hiện hai con đang ở với anh M. Nay ly hôn anh M xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L có ý kiến thông qua bà Tùy là nhất trí để cho anh M nuôi cả hai con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, anh M nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cũng như con L có ý kiến xin được ở với bố, khi bố mẹ ly hôn là phù hợp. Căn cứ vào: Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; giao cho anh Nguyễn Văn M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Anh M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M và chị Phạm Thị L.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 30/4/2005 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/11/2014; chị Phạm Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn M phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số

0001570 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Nam Định; anh Nguyễn Văn M đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã X.
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

